



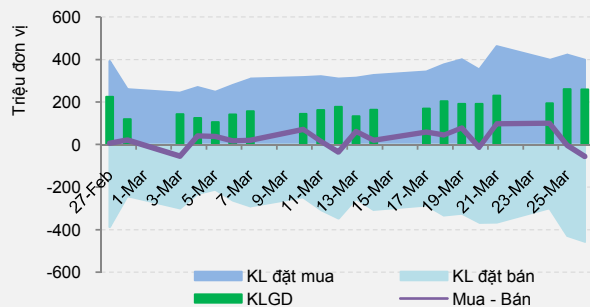
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 26/3/2014

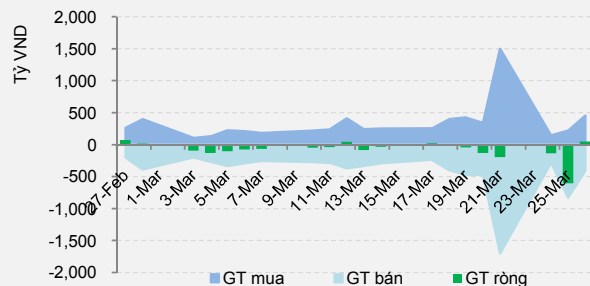
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	588.1	89.8
% Thay đổi	↓ -2.3%	↓ -1.5%
KLGD (CP)	259,085,050	160,382,192
GTGD (tỷ đồng)	4,309.56	1,839.75
Tổng cung (CP)	455,317,530	205,743,000
Tổng cầu (CP)	398,903,630	186,569,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	11,001,100	1,101,877
KL mua (CP)	12,292,490	4,251,243
GTmua (tỷ đồng)	456.08	65.02
GT bán (tỷ đồng)	409.49	17.80
GT ròng (tỷ đồng)	46.59	47.21

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -2.12%	9.9	2.3	3.5%
Công nghiệp	↓ -2.19%	402.5	1.4	16.9%
Dầu khí	↓ -2.80%	9.3	2.0	6.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.57%	15.9	2.3	2.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.05%	11.3	3.4	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.49%	13.7	5.0	9.9%
Ngân hàng	↓ -3.18%	15.1	1.4	8.8%
Nguyên vật liệu	↓ -1.20%	12.1	2.2	8.2%
Tài chính	↓ -2.59%	16.9	2.7	40.7%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.89%	11.6	4.2	3.5%
VN - Index	↓ -2.29%	14.9	3.1	70.1%
HNX - Index	↓ -1.46%	22.9	1.7	29.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,936,600	1.1%	4,780,360	1.8%
GTGD (tỷ đồng VND)	86,561	1.7%	108,879	2.2%

THỊ TRƯỜNG TIẾP PHIÊN GIẢM ĐIỂM TRƯỚC ÁP LỰC CHÓT LỜI - CHỈ SỐ VN-INDEX MẤT MỐC 595 ĐIỂM

Nhận định: Thị trường tiếp phiên giảm điểm mạnh trên cả hai sàn trước áp lực cung với diễn biến giao dịch sôi động. Khối lượng khớp lệnh cao cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Tuy nhiên, hai chỉ số Index giảm mạnh dẫn về cuối phiên, lệnh bán quyết liệt khớp thẳng vào dư mua cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế.

Với phiên giảm điểm này, chỉ số VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ gần nhất 595 điểm, chỉ số HNX-Index giảm qua mốc kiểm định 92 điểm. Diễn biến giảm mạnh của đa số cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ vẫn cho tín hiệu rủi ro về xu hướng thị trường, khi hai phía cung cầu chưa tìm được điểm cân bằng. Mức hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là khoảng +/-585 điểm, mốc hỗ trợ sau đó là +/-565 điểm. Mức hỗ trợ kỹ thuật gần nhất của HNX-Index là khoảng +/-85 điểm.

Nhà đầu tư tiếp tục GIẢM TỶ TRỌNG cổ phiếu/tiền mặt xuống 50/50 tại phiên/thời điểm thị trường phản ứng với ngưỡng hỗ trợ, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Việc bán mạnh cổ phiếu bằng mọi giá là không cần thiết, khi xu hướng trung hạn của thị trường vẫn tích cực.

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh 13.80 điểm (2.29%), xuống 588.05 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên.

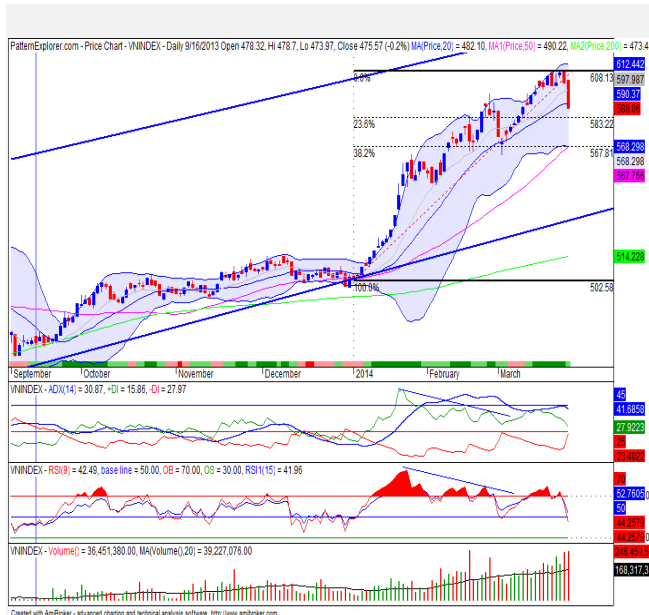
- Chỉ số HNX-Index giảm 1.33 điểm (1.46%), xuống 89.79 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- Theo báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư tháng 3/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, điện sản xuất và mua tháng 3 năm 2014 ước đạt 11,67 tỷ kWh, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2013. Tính chung 3 tháng đầu năm 2014, điện sản xuất và mua ước đạt 30,961 tỷ kWh, tăng 6,62% so với cùng kỳ. Cũng theo báo cáo, quý I/2014, điện cung cấp cho công nghiệp và xây dựng đạt 15,3 tỷ kWh, tăng 14,1%, chiếm tỷ trọng 54,5%; điện dùng cho khu vực thương nghiệp, khách sạn nhà hàng đạt 1,166 triệu kWh, điện cho quản lý và tiêu dùng dân cư tăng 3,99% chiếm tỷ trọng 38,9%... Nhìn chung, sản xuất công nghiệp 3 tháng đầu năm 2014 tăng so với cùng kỳ năm 2013. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ mức tăng trưởng khá, tập trung chủ yếu ở một số ngành như: dệt, sản xuất trang phục, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; sản phẩm điện tử...

- Theo Tổ điều hành thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương, CPI tháng 4 dự báo tiếp tục giảm so với tháng trước, dù mức độ giảm ít hơn tháng 3, đạt khoảng âm 0,2-0,3%. Về xu hướng giá cả các mặt hàng, ngoại trừ giá một số mặt hàng nhiên liệu năng lượng thế giới dự báo còn biến động phức tạp và tăng lên, ảnh hưởng đến giá xăng dầu trong nước, giá hàng hóa khác nhìn chung sẽ ít biến động. Vào tháng 6/2014, TP. HCM dự kiến sẽ tăng giá dịch vụ y tế. Tác động của quyết định này vào CPI cả nước khoảng 0,1%.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh 13.80 điểm (2.29%), xuống 588.05 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, ở mức cao 246 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm mạnh xuống mức 51 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 cắt xuống phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Thị trường tiếp phiên giảm điểm mạnh trước áp lực cung với diễn biến giao dịch sôi động. Khối lượng khớp lệnh cao cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Tuy nhiên, diễn biến thị trường giảm điểm mạnh, lệnh bán quyết liệt khớp thẳng vào dư mua cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế.

Với phiên giảm điểm này, chỉ số VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ gần nhất 595 điểm. Diễn biến giảm mạnh của đa số cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ vẫn cho tín hiệu rủi ro về xu hướng thị trường, khi hai phía cung cầu chưa tìm được điểm cân bằng. Mức hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là khoảng +/-585 điểm, mốc hỗ trợ sau đó là +/-565 điểm.

Nhà đầu tư tiếp tục GIẢM TỶ TRỌNG cổ phiếu/tiền mặt xuống 50/50 tại phiên/thời điểm thị trường phản ứng với ngưỡng hỗ trợ, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Việc bán mạnh cổ phiếu bằng mọi giá là không cần thiết, khi xu hướng trung hạn của thị trường vẫn tích cực.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index giảm 1.33 điểm (1.46%), xuống 89.79 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tăng 9% so với phiên trước, lên 156 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm mạnh xuống mức 68 điểm, nhà đầu tư tiếp tục thận trọng hơn. MACD 9 ngày giảm nhẹ khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên giảm điểm trước áp lực chốt lời sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp. Khối lượng khớp lệnh cao cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Tuy nhiên, diễn biến thị trường giảm điểm mạnh, lệnh bán quyết liệt khớp thẳng vào dư mua cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế.

Với phiên giảm điểm này, HNX-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ kỹ thuật 92 điểm. Trong ngắn hạn, diễn biến giảm mạnh của đa số cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu nhỏ vẫn cho tín hiệu rủi ro về xu hướng thị trường, khi hai phía cung cầu chưa tìm được điểm cân bằng. Mức hỗ trợ kỹ thuật gần nhất của HNX-Index là khoảng +/-85 điểm.

Nhà đầu tư tiếp tục GIẢM TỶ TRỌNG cổ phiếu/tiền mặt xuống 50/50 tại phiên/thời điểm thị trường phản ứng với ngưỡng hỗ trợ, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Việc bán mạnh cổ phiếu bằng mọi giá là không cần thiết, khi xu hướng trung hạn của thị trường vẫn tích cực.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

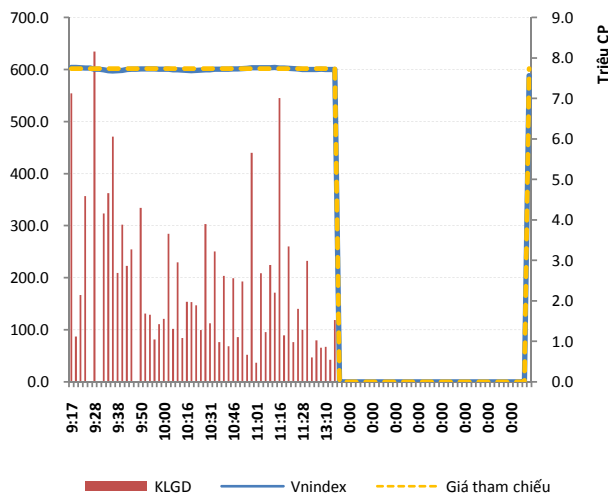
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

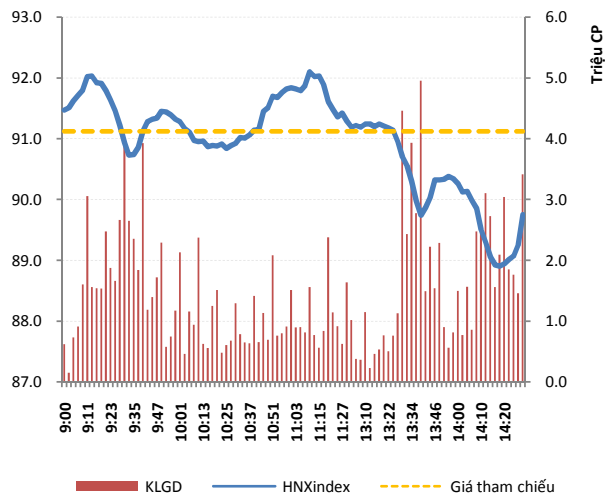
Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 25/03/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

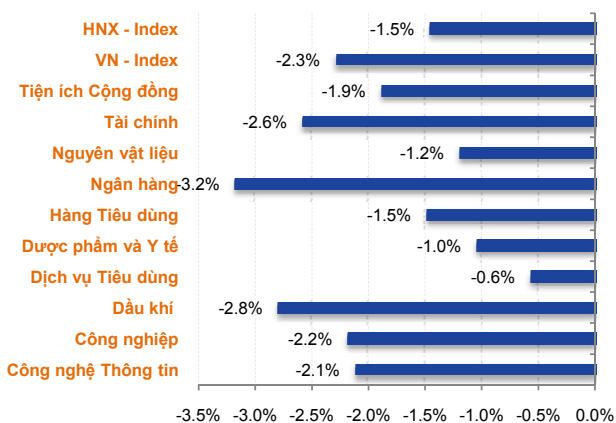
KLGD và VN-Index trong phiên



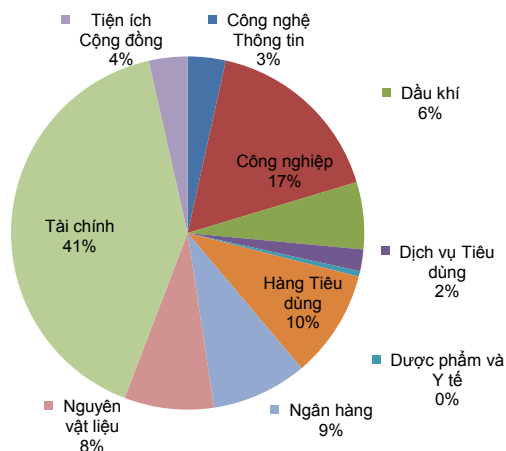
KLGD và HNX-Index trong phiên



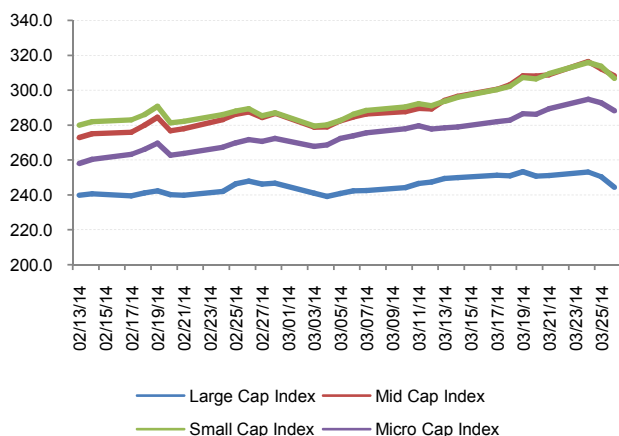
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



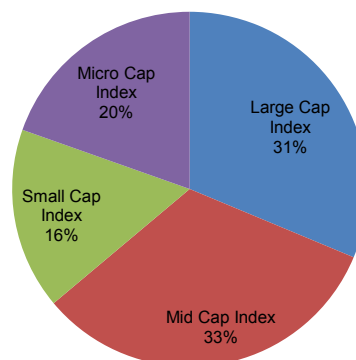
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	781,790	ITA	587,940
2	HPG	483,420	DPR	401,390
3	PPC	416,820	BVH	257,030
4	SSI	413,080	IJC	245,790
5	KBC	396,110	VIC	243,450

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,904,700	IVS	100,000
2	PVS	375,000	KHB	27,500
3	KLS	298,900	VPC	15,400
4	VCG	253,800	PCG	15,000
5	SSM	70,000	AAA	10,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	10.0	10.0	→ 0.00%	24,125,390
FLC	15.0	14.0	↓ -6.67%	15,373,390
HQC	9.8	9.7	↓ -1.02%	10,374,920
OGC	14.0	13.3	↓ -5.00%	7,460,010
PTL	4.6	4.9	↑ 6.52%	7,441,950

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.5	11.6	↑ 0.87%	18,090,367
PVX	6.8	6.3	↓ -7.35%	17,470,331
SCR	11.8	12.1	↑ 2.54%	13,125,450
KLS	14.3	13.8	↓ -3.50%	9,087,900
PVS	31.0	30.1	↓ -2.90%	8,665,250

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJS	24.7	26.4	1.7	↑ 6.88%
BIC	14.6	15.6	1.0	↑ 6.85%
NVN	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
VNI	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
HSI	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTP	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
BHC	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
PMS	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
MIM	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
HST	11.1	12.2	1.1	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSS	8.6	8.0	-0.6	↓ -6.98%
AVF	8.7	8.1	-0.6	↓ -6.90%
GTT	8.7	8.1	-0.6	↓ -6.90%
KAC	11.6	10.8	-0.8	↓ -6.90%
CTI	13.1	12.2	-0.9	↓ -6.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHL	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
ORS	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
SJM	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
BVG	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
SPI	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	24,125,390	0.7%	73	137.2	0.9
FLC	15,373,390	7.9%	663	21.1	1.7
HQC	10,374,920	3.5%	376	25.8	0.9
OGC	7,460,010	3.2%	352	37.8	1.2
PTL	7,441,950	-14.4%	(1,368)	-	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	18,090,367	7.6%	854	13.6	1.0
PVX	17,470,331	-115.4%	(5,275)	-	3.1
SCR	13,125,450	0.4%	53	228.3	0.8
KLS	9,087,900	5.5%	716	19.3	1.0
PVS	8,665,250	21.0%	3,568	8.4	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJS	↑ 6.9%	4.5%	712	37.1	1.6
BIC	↑ 6.8%	12.2%	1,443	10.8	1.3
NVN	↑ 6.8%	-38.4%	(4,093)	(1.1)	0.5
VNI	↑ 6.8%	-8.7%	(858)	(5.5)	0.5
HSI	↑ 6.7%	-82.0%	(7,675)	(0.6)	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTP	↑ 10.0%	5.0%	596	13.6	0.6
BHC	↑ 10.0%	-168.3%	(3,074)	(1.1)	11.4
PMS	↑ 10.0%	5.5%	896	13.5	0.7
MIM	↑ 10.0%	-18.3%	(2,170)	(2.5)	0.5
HST	↑ 9.9%	4.4%	469	26.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	781,790	13.9%	1,518	10.9	2.0
HPG	483,420	22.2%	4,663	11.0	2.3
PPC	416,820	34.2%	5,128	4.6	1.4
SSI	413,080	8.0%	1,193	23.5	1.9
KBC	396,110	1.7%	238	56.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,904,700	7.6%	854	13.6	1.0
PVS	375,000	21.0%	3,568	8.4	1.6
KLS	298,900	5.5%	716	19.3	1.0
VCG	253,800	10.0%	1,233	13.4	1.3
SSM	70,000	13.0%	2,120	6.7	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	155,390	40.8%	6,535	12.5	4.6
VNM	116,685	39.6%	7,839	17.9	6.7
MSN	71,654	3.0%	611	159.5	4.8
VCB	70,449	10.4%	1,881	16.2	1.7
VIC	66,794	54.2%	7,405	9.9	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,666	6.6%	889	19.1	1.3
PVS	13,446	21.0%	3,568	8.4	1.6
SHB	10,279	7.6%	854	13.6	1.0
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	7,288	10.0%	1,233	13.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CMT	2.24	7.0%	1,076	10.0	0.7
MSN	2.00	3.0%	611	159.5	4.8
NKG	1.97	18.2%	1,858	7.3	1.2
HPG	1.95	22.2%	4,663	11.0	2.3
FCM	1.89	15.0%	1,417	11.6	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.51	-6.2%	(628)	-	0.5
HPC	3.47	5.5%	385	18.4	1.0
S12	3.20	0.2%	29	344.4	0.8
PVA	3.10	-31.1%	(1,297)	-	1.4
DNC	2.82	10.7%	1,272	10.1	1.1



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)